

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ VINH YÊN
TỈNH VINH PHÚC**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc**

Bản án số: 17/2018/HS-ST
Ngày 30 tháng 01 năm 2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ VINH YÊN, TỈNH VINH PHÚC

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Vũ Thị Vân Hồng.

Các Hội thẩm nhân dân: - Ông Kiều Đức Yên;

- Bà Nguyễn Thị Thúy Nga.

Thư ký phiên tòa: Bà Kiều Thị Hằng, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Vinh Yên.

Đ diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vinh Yên tham gia phiên tòa:
Bà Cao Thị Thanh Huyền - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 01 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Vinh Yên, tỉnh Vĩnh Phúc, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 16/2018/HS-ST ngày 19 tháng 01 năm 2018, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 20/2018/HSST-QĐ ngày 19 tháng 01 năm 2018, đối với bị cáo:

Nguyễn Văn Đ, sinh ngày 02/7/1974, tại Vĩnh Phúc; nơi cư trú: Thôn D, xã Đ, huyện Y, tỉnh Vĩnh Phúc; nghề nghiệp: Không; trình độ văn hóa: 7/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn N và bà Phùng Thị L; vợ: Đường Thị L; có 02 con; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Tại bản án số 03/HSST ngày 21/01/1992 của Tòa án nhân dân thị xã Vĩnh Yên (nay là thành phố Vĩnh Yên), tỉnh Vĩnh Phúc xử phạt bị cáo 12 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”; bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 16/11/2017 cho đến nay (có mặt).

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án: Anh Nguyễn Đức C, sinh năm 1993; nơi cư trú: Can Bi 4, xã P, huyện B, tỉnh Vĩnh Phúc (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 20 giờ 30 phút, ngày 16/11/2017, tại khu vực cổng khách sạn Hà Nội, đường Lam Sơn, phường Tích Sơn, thành phố Vĩnh Yên, tỉnh Vĩnh Phúc, tổ công tác Công an thành phố Vĩnh Yên bắt quả tang Nguyễn Văn Đ có hành vi chuẩn bị trao đổi bán trái phép chất ma túy đá cho đối tượng nghiện ma túy là

Nguyễn Đức C. Tang vật thu giữ gồm có: Thu trong túi áo ngực đang mặc của Đ 03 đoạn ống nhựa bịt kín hai đầu (loại ống hút) bên trong chứa các hạt tinh thể dạng đá, màu trắng (Đ khai nhận đó là ma túy đá mang đi bán cho C 02 ống với giá 1.000.000đ còn 01 ống bán cho con nghiện khác có nhu cầu để thu lời), niêm phong ký hiệu A1; Thu giữ của Đ 01 ví giả da bên trong có số tiền 600.000đ, 01 đăng ký xe mang tên Vũ Thị N, 01 xe máy BKS 51R6 – 0207 và 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO, màu trắng, đã cũ. Thu giữ tại tay phải của Nguyễn Đức C số tiền 1.000.000đ (C khai nhận là tiền dùng để mua ma túy đá của Đ) và 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia, đã cũ.

Tại kết luận giám định số: 1406/KLGD ngày 20/11/2017, Phòng Kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Vĩnh Phúc kết luận: Tinh thể dạng đá của mẫu ký hiệu A1 gửi đến giám định là ma túy lẫn tạp chất, loại Methamphetamine có khối lượng là 0,5465 gam, không kể bao bì. Khối lượng Methamphetamine có trong 0,5465 gam mẫu là 0,4191 gam.

Về nguồn gốc gói ma túy đá đã thu giữ, Nguyễn Văn Đ khai nhận: Khoảng 16 giờ 30 phút ngày 16/11/2017, Đ đi xe bus đến huyện Bình Xuyên, tỉnh Vĩnh Phúc sau đó đi bộ đến cánh đồng thuộc thôn Can Bi, xã Phú Xuân, huyện Bình Xuyên, tỉnh Vĩnh Phúc thì gặp một người đàn ông tên là N (không rõ họ tên, tuổi, địa chỉ cụ thể) ngồi trong xe taxi (Đ không biết hãng nào, không nhớ biển số xe), Đ mua của người này 03 ống ma túy đá với giá 1.000.000đ, rồi đem về bán cho C 02 ống với giá 1.000.000đ, còn 01 ống để bán cho con nghiện khác kiếm lời thì bị bắt quả tang như đã nêu trên.

Đối với xe máy BKS 51R6 – 0207 và đăng ký của xe, quá trình điều tra xác định là của chị Nguyễn Thị Thu H, sinh năm 1997 ở xã Đ, huyện Y (là con gái của Đ). Ngày 15/01/2018, Công an thành phố Vĩnh Yên, tỉnh Vĩnh Phúc trả lại xe máy BKS 51R6 - 0207 và đăng ký xe cho chị H. Chị H nhận lại tài sản và không có yêu cầu gì về bồi thường dân sự

Tại Cáo trạng số: 15/KSĐT-MT ngày 17/01/2018, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vĩnh Yên đã truy tố Nguyễn Văn Đ về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo khoản 1 Điều 194 của Bộ luật Hình sự năm 1999.

Tại phiên tòa, bị cáo Nguyễn Văn Đ vẫn khai nhận như đã khai tại cơ quan điều tra, xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

Đại diện Viện kiểm sát luận tội đối với bị cáo, giữ nguyên quyết định truy tố như Cáo trạng. Căn cứ vào tính chất, mức độ phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của người phạm tội, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 194; điểm p khoản 1 Điều 46 của Bộ luật Hình sự năm 1999, xử phạt bị cáo Nguyễn Văn Đ từ 02 năm 06 tháng đến 03 năm tù. Áp dụng khoản 1, khoản 2 Điều 41 của Bộ luật Hình sự năm 1999;

khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015: Tịch thu tiêu hủy 0,3232g ma túy đá và toàn bộ bao gói còn lại sau giám định; tịch thu để bán xung công quỹ nhà nước 02 điện thoại di động thu giữ của Nguyễn Văn Đ và Nguyễn Đức C; tịch thu xung công quỹ Nhà nước số tiền 1.000.000đ thu giữ của Nguyễn Đức C; trả lại cho Nguyễn Văn Đ 01 ví giả da và 600.000đ nhưng tiếp tục tạm giữ để đảm bảo thi hành án; xác nhận Cơ quan cảnh sát điều tra thu giữ và trả lại cho chị Nguyễn Thị Thu H 01 xe máy BKS 51R6 – 0207 và đăng ký xe là hợp pháp.

Bị cáo Nguyễn Văn Đ không bào chữa và tranh luận gì. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Lời khai nhận tội của bị cáo tại Cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa phù hợp với nhau, phù hợp với lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người làm chứng, vật chứng thu được và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Vì vậy, có đủ căn cứ kết luận:

Khoảng 20 giờ 30 phút ngày 16/11/2017, tại khu vực cổng khách sạn Hà Nội, đường Lam Sơn, thuộc phường Tích Sơn, thành phố Vĩnh Yên, tỉnh Vĩnh Phúc, bị cáo Nguyễn Văn Đ có hành vi bán trái phép chất ma túy cho đối tượng nghiện ma túy là Nguyễn Đức C thì bị tổ công tác Công an thành phố Vĩnh Yên phát hiện và bắt quả tang. Tang vật thu giữ được giám định là ma túy lẫn tạp chất loại Methamphetamine có khối lượng 0,5465 gam, không kể bao bì. Khối lượng Methamphetamine có trong 0,5465 gam mẫu là 0,4191 gam.

Hành vi nêu trên của bị cáo Nguyễn Văn Đ đã phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy”, tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 194 của Bộ luật Hình sự năm 1999 có khung hình phạt tù từ 02 đến 07 năm tù.

Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến chính sách độc quyền quản lý của Nhà nước về chất ma túy, gây mất trật tự trị an và an toàn trong xã hội, ảnh hưởng đến nòi giống, sức khỏe, danh dự, nhân phẩm của con người; gây ra một lớp người nghiện trong xã hội làm tác hại cho chính bản thân người nghiện và gia đình họ cũng như cho cộng đồng nói chung. Do vậy, cần phải xử lý thật nghiêm minh mới có tác dụng giáo dục, răn đe và phòng ngừa chung.

[2] Xét về nhân thân, tính chất mức độ nghiêm trọng của tội phạm, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của người phạm tội, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Bị cáo phạm tội theo khoản 1 Điều 194 của Bộ luật Hình sự năm 1999, có mức cao nhất của khung hình phạt đến 07 năm tù nên theo quy định tại khoản 3

Điều 8 của Bộ luật Hình sự năm 1999 thì trường hợp nêu trên thuộc tội phạm nghiêm trọng.

Trước khi phạm tội bị cáo là người có nhân thân xấu, đã có 01 tiền án về hành vi trộm cắp tài sản, mặc dù tiền án đó đã được xóa án tích nhưng cũng chứng tỏ bị cáo là đối tượng rất coi thường pháp luật, không biết ăn năn hối cải để hoàn lương. Trong vụ án này, mặc dù số lượng ma túy mua bán trái phép là không lớn nhưng hành vi được thực hiện với lỗi cố ý, động cơ là thu lời bất chính, hiện tại trên địa bàn thành phố Vĩnh Yên các tội phạm về ma túy có chiều hướng gia tăng, đây là nguyên nhân làm mất ổn định tình hình an ninh chính trị tại địa phương và phát sinh các tội phạm khác trong xã hội. Do đó, cần chấp nhận đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa để buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt tù một thời gian mới có tác dụng giáo dục cải tạo bị cáo trở thành người lương thiện, người công dân có ích cho xã hội.

Khi quyết định hình phạt có xem xét đến các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự như sau: Tại Cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa bị cáo đã “Thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải” để giảm nhẹ một phần hình phạt theo quy định tại điểm p khoản 1 Điều 46 của Bộ luật Hình sự năm 1999.

Đối với người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Nguyễn Đức C là đối tượng nghiện ma túy, mục đích mua túy để sử dụng; khi Đ đang chuẩn bị trao đổi ma túy cho C thì bị Cơ quan Công an phát hiện bắt quả tang. Do vậy, cơ quan điều tra không đề cập xử lý đối với C về hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy.

Đối với người bán ma túy cho Nguyễn Văn Đ tại khu vực cánh đồng thuộc thôn Can Bi, xã Phú Xuân, huyện Bình Xuyên, tỉnh Vĩnh Phúc. Nguyễn Văn Đ khai không biết tên, tuổi, địa chỉ cụ thể nên Cơ quan điều tra không có căn cứ để xử lý là đúng pháp luật.

[3] Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 5 Điều 194 của Bộ luật Hình sự năm 1999 thì người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ năm triệu đồng đến năm trăm triệu đồng, tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ một năm đến năm năm. Tuy nhiên, quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa xác định bị cáo không có tài sản và thu nhập ổn định, điều kiện kinh tế còn khó khăn nên Hội đồng xét xử quyết định miễn hình phạt bổ sung cho bị cáo.

[4] Về vật chứng: Đối với 0,3232gam ma túy còn lại sau giám định không có giá trị sử dụng cần tịch thu để tiêu hủy. Đối với 01 điện thoại oppo màu trắng thu của Nguyễn Văn Đ và 01 điện thoại Nokia thu của Nguyễn Đức C là phương tiện sử dụng vào việc phạm tội cần tịch thu, bán nộp ngân sách nhà nước. Đối với số tiền 1.000.000đ đã thu giữ của Nguyễn Đức C là tiền sử dụng

vào việc phạm tội cần tịch thu, nộp ngân sách nhà nước. Đối với số tiền 600.000đ và 01 ví giả da thu giữ của bị cáo Nguyễn Văn Đ, quá trình điều tra và tại phiên tòa xác định đó là tài sản cá nhân của bị cáo không liên quan đến tội phạm nên cần trả lại cho bị cáo theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 41 của Bộ luật Hình sự năm 1999 và khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

[5] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 194; điểm p khoản 1 Điều 46 của Bộ luật Hình sự năm 1999, xử phạt bị cáo Nguyễn Văn Đ 03 (ba) năm tù về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”; thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam (ngày 16/11/2017).

Căn cứ khoản 1, khoản 2 Điều 41 của Bộ luật Hình sự năm 1999; khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, tịch thu, nộp ngân sách nhà nước số tiền 1.000.000đ (Một triệu đồng) đã thu giữ của Nguyễn Đức C; tịch thu bán, nộp ngân sách nhà nước 01 điện thoại oppo màu trắng thu của bị cáo Nguyễn Văn Đ và 01 điện thoại Nokia thu của Nguyễn Đức C; tịch thu tiêu huỷ 0,3232 gam ma túy đá cùng toàn bộ bao gói còn lại sau giám định; trả lại bị cáo Nguyễn Văn Đ số tiền 600.000đ (sáu trăm nghìn đồng) và 01 ví giả da nhưng tạm giữ để đảm bảo thi hành án (Đặc điểm tang vật như biên bản bàn giao vật chứng ngày 17/01/2017).

Căn cứ khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTV-QH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án, buộc bị cáo Nguyễn Văn Đ phải chịu 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đối với người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:

- Sở Tư pháp tỉnh Vĩnh Phúc;
- VKSND thành phố Vĩnh Yên;
- Công an thành phố Vĩnh Yên;
- Trại tạm giam- CA Vĩnh Phúc;
- Chi cục thi hành án Vĩnh Yên;
- Thi hành án hình sự;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, Văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Vũ Thị Vân Hồng

